

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

0196/06/2026

30/06/2026

I. THÔNG TIN MẪU

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Tên khách hàng: | CÔNG TY CPCN TÂN HÒA |
| 2. Địa chỉ: | 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3. Tên mẫu: | Mẫu nước thử nghiệm định kỳ mạng lưới cấp nước (tần suất A). |
| 4. Tình trạng mẫu: | Mẫu thử đựng trong bình nhựa và bình thủy tinh |
| 5. Số lượng mẫu: | 12 |
| 6. Ngày nhận mẫu | 17/06/2026 |
| 7. Thời gian thử nghiệm:* | 17/06/2026 đến 30/06/2026 |
| 8. Loại mẫu: | Nước sạch |
| 9. Kết quả TN: | Xem trang sau. |
| 10. Ghi chú: | Danh sách mẫu xem trang cuối. |

* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Diệp Thị Hoàng Hà

Trần Kim Thạch

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
4. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
 - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2A1 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. HCM
 - Email: qlcln@sawaco.com.vn
 - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

0196/06/2026

30/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0910	SWC-26/0911
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,40	0,50
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,9	7,9
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	< 0,251	< 0,251
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0910 376 Lê Văn Sỹ, P.Tân Sơn Hòa.
- SWC-26/0911 179 Bành Văn Trân, P.Tân Sơn Nhất.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0196/06/2026

30/06/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0912	SWC-26/0913
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	$< 0,001$	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,50	0,50
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,8	7,9
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	$< 0,251$	$< 0,251$
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0912 407 Lý Thường Kiệt, P.Tân Hòa.
- SWC-26/0913 Giao lộ Hồng Lạc - Đồng Đen P.Bảy Hiền.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0196/06/2026

30/06/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0914	SWC-26/0915
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,40	0,70
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	8,0	8,0
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	< 0,251	< 0,251
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	1,28	1,28
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0914 Giao lộ Cộng Hòa-Tân Hải, P.Tân Bình.
- SWC-26/0915 17 Phan Huy Ích, P.Tân Sơn.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0196/06/2026

30/06/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0916	SWC-26/0917
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	2
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,60	0,70
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,9	7,9
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	< 0,251	0,36
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	1,28	1,28
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0916 Giao lộ D9 - Ché Lan Viên P.Tây Thạnh.
- SWC-26/0917 1A Cầu Xéo, P.Tân Sơn Nhì.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0196/06/2026

30/06/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0918	SWC-26/0919
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,60	0,40
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	8,0	7,9
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	< 0,251	< 0,251
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	1,28	1,28
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0918 207 Lê Thúc Hoạch, P.Phú Thọ Hòa.
- SWC-26/0919 70/1B Huỳnh Thiện Lộc, P.Tân Phú.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0196/06/2026

30/06/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0920	SWC-26/0921
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,50	0,30
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,8	7,8
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,06	≤ 2	< 0,251	< 0,251
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	1,28	1,28
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0920 212 Thoại Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh.
- SWC-26/0921 149/23 Lý Thánh Tông, P.Phú Thạnh.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.